

Số: 45/TB-BV

Định Quán, ngày 11 tháng 11 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả điểm xét tuyển viên chức Đợt 2 năm 2023**

Căn cứ Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 188/KH-BV ngày 29/08/2023 của Giám đốc Bệnh viện ĐKKV Định Quán về tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2023;

Căn cứ nội dung cuộc họp ngày 15/11/2023 của Hội đồng tuyển dụng Bệnh viện ĐKKV Định Quán;

Bệnh viện ĐKKV Định Quán thông báo kết quả xét tuyển viên chức đợt 2 năm 2023 như sau:

Kết quả điểm phỏng vấn xét tuyển (chưa cộng điểm ưu tiên) tại kì xét tuyển viên chức đợt 2 năm 2023 (Danh sách đính kèm).

Kết quả xét tuyển được niêm yết công khai tại bảng tin Bệnh viện ĐKKV Định Quán, trên website ([benhviendinhquan.vn](http://benhviendinhquan.vn)) và gửi đến từng thí sinh.

Mọi ý kiến thắc mắc liên quan đến thông tin kết quả xét tuyển đề nghị phản ánh về Hội đồng tuyển dụng thông qua phòng TCCB Bệnh viện ĐKKV Định Quán trước ngày 22/11/2023 để được xem xét giải quyết theo quy định. Sau thời hạn này mọi thắc mắc của thí sinh sẽ không còn hiệu lực, đơn vị sẽ thực hiện theo các nội dung như thông báo./.

**Nơi nhận:**

- BGD (biết);
- HĐTD: Thông báo các thí sinh;
- Đăng tải Website BV;
- Niêm yết bảng tin BV;
- Lưu : VT, TC.



**Tạ Quang Trí**  
**GIÁM ĐỐC BV**



**DANH SÁCH KẾT QUẢ PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỢT 2  
NĂM 2023**

| STT                                | Số hồ sơ | Họ và tên thí sinh | Năm sinh |      | Quê quán       | Trình độ CM<br>(Ghi rõ ngành đào tạo)  | Địa chỉ thường trú<br>Số DT liên lạc                           | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|------------------------------------|----------|--------------------|----------|------|----------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|--------------|-----------|
|                                    |          |                    | Nam      | Nữ   |                |                                        |                                                                |                |              |           |
| 1                                  | 2        | 3                  | 4        | 5    | 6              | 7                                      | 8                                                              |                |              |           |
| <b>Bác sỹ đa khoa, chuyên khoa</b> |          |                    |          |      |                |                                        |                                                                |                |              |           |
| 1                                  | 1        | Đoàn Vũ Nguyệt Yến |          | 1999 | Quảng Ngãi     | Bác sỹ y khoa                          | Tịnh thọ - Sơn Tịnh - Quảng Ngãi                               | 82,00          |              | 82,00     |
| 2                                  | 2        | Kơ Jong Lê Na      |          | 1998 | Lâm đồng       | Bác sỹ y khoa                          | HaWai - Tu Tra - Đơn Dương - Lâm Đồng                          | 80,00          | 5,00         | 85,00     |
| 3                                  | 3        | Hà Văn Huyền       | 1998     |      | Thanh Hóa      | Bác sỹ y khoa                          | Buôn Cư Kniêl - xã Vụ Bản - Krông Pắc - Đắk Lắk                | 79,00          | 5,00         | 84,00     |
| 4                                  | 4        | Phạm Mạnh Tường    | 1997     |      | Nghệ An        | Bác sỹ y khoa                          | Đắk Sơn-Đắk Hòa-Đắk Song-Đắk Nông                              | 81,00          |              | 81,00     |
| 5                                  | 5        | K'Tảo              |          | 1998 | Lâm đồng       | Bác sỹ y khoa                          | Thôn 5 - Tân Thanh - Lâm Hà - Lâm đồng                         | 73,33          | 5,00         | 78,33     |
| 6                                  | 6        | Hoàng Thị Hạnh     |          | 1998 | Cao Bằng       | Bác sỹ y khoa                          | Tân Nghĩa - Tân Tiến - Bù Đốp - Bình Phước                     | 76,00          | 5,00         | 81,00     |
| 7                                  | 7        | Đàm Thị Hoa        |          | 1998 | Cao Bằng       | Bác sỹ y khoa                          | Thôn 8 - Nam Dong - Cư Jút - Đắk Lắk                           | 73,33          | 5,00         | 78,33     |
| 8                                  | 8        | Trương Thị Nhĩ     |          | 1998 | Ninh Thuận     | Bác sỹ y khoa                          | Phước Đồng 2, Phước Hậu, Ninh Phước, Ninh Thuận                | 75,33          | 5,00         | 80,33     |
| <b>Cử nhân Công nghệ thông tin</b> |          |                    |          |      |                |                                        |                                                                |                |              |           |
| 9                                  | 1        | Dương Ngọc Tiến    | 1988     |      | Nghệ An        | Kỹ sư Công nghệ thông tin              | Ấp 4 - La Ngà - Định Quán - Đồng Nai                           | 48,33          |              | 48,33     |
| <b>Cử nhân Kế toán</b>             |          |                    |          |      |                |                                        |                                                                |                |              |           |
| 10                                 | 1        | Hoàng Thị Chín     |          | 1996 | Nghệ An        | Cử nhân Kế toán                        | Ấp 1 - khu 5 - xã Gia canh - huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai   | 70,67          |              | 70,67     |
| 11                                 | 2        | Bùi Văn Hường      | 1988     |      | Nghệ An        | Cử nhân Kế toán                        | KP Hiệp Quyết - TT Định Quán - huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai | 69,00          |              | 69,00     |
| <b>Kỹ sư Điện - Điện tử</b>        |          |                    |          |      |                |                                        |                                                                |                |              |           |
| 12                                 | 1        | Hà Đào Tuấn Anh    | 1999     |      | Thừa Thiên Huế | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử | Ấp 1 - xã Gia canh - huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai           | 78,33          |              | 78,33     |



| STT | Số hồ sơ | Họ và tên thí sinh         | Năm sinh |      | Quê quán  | Trình độ CM<br>(Ghi rõ ngành đào tạo) | Địa chỉ thường trú<br>Số DT liên lạc                 | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
|-----|----------|----------------------------|----------|------|-----------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------|--------------|-----------|
|     |          |                            | Nam      | Nữ   |           |                                       |                                                      |                |              |           |
|     |          | <b>Cử nhân Xét Nghiệm</b>  |          |      |           |                                       |                                                      |                |              |           |
| 13  | 1        | Đậu Thị Nhung              |          | 2000 | Nghệ An   | Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học     | Xóm 5 - Diễn Trung - Diễn Châu - Nghệ An             | 67,33          |              | 67,33     |
|     |          | <b>Cao đẳng điều dưỡng</b> |          |      |           |                                       |                                                      |                |              |           |
| 14  | 1        | Nguyễn Thị Ngọc Nữ         |          | 1993 | Long An   | Cao đẳng Điều dưỡng                   | Tổ 5 - Ấp 2 - Phú lộc - Tân Phú - Đồng Nai           | 68,33          |              | 68,33     |
|     |          | <b>Cao đẳng dược</b>       |          |      |           |                                       |                                                      |                |              |           |
| 15  | 1        | Đỗ Thị Trúc Thi            |          | 2000 | Ninh Bình | Cao đẳng Dược                         | Ấp 1 - xã Gia Canh - huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai | 69,00          |              | 69,00     |
|     |          | <b>Hộ lý</b>               |          |      |           |                                       |                                                      |                |              | 0,00      |
| 16  | 1        | Lê Thị Mỹ Hạnh             |          | 1989 | Cần Thơ   | 12/12                                 | Ấp 1 - Gia Canh - Định Quán - Đồng Nai               | 72,00          |              | 72,00     |
| 17  | 2        | Nguyễn Thị Kim Hiệp        |          | 1996 | Đồng Nai  | 10/12                                 | Ấp 3 - Phước Hải - Long Thành Đồng Nai               | 68,00          |              | 68,00     |
| 18  | 3        | Nguyễn Thị Thúy            |          | 1982 | Nam Định  | 11/12                                 | Ấp 5 - Gia Canh - Định Quán - Đồng Nai               | 68,00          |              | 68,00     |